

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 4 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lại Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 509/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2021 về việc: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị N, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thành L, sinh năm 1987, tạm trú: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 13/12/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị N trình bày:*

Bà N và ông Phạm Thành L đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã A, thị xã B, tỉnh B. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hòa thuận, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống.

Từ khi bà N sinh con thì ông L có người phụ nữ khác nên không còn quan tâm đến bà N, khi về nhà thì không nói chuyện với bà N (việc ông L có người phụ nữ khác bà N không có chứng cứ nên không thể cung cấp cho Tòa án). Tuy sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm, ở riêng mỗi người một phòng và không quan tâm đến nhau. Bà N đã chịu đựng một thời gian dài nhưng nay không thể tiếp tục chịu đựng nữa, mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông L, đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà N ly hôn để bà N sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà N và ông L có 01 con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 01/11 2019. Cháu chưa đủ 03 tuổi và hiện vẫn đang ở với bà N, ông L đi làm thỉnh thoảng mới về nhà nên ít quan tâm, chăm sóc con cái. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà N đi làm công ty thu nhập mỗi tháng 7.000.000 đồng nên có đủ khả năng nuôi con. Sau đó, bà N thay đổi ý kiến không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Việc bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là do bà N tự nguyện.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông L cố tình không lên Tòa án tham gia tố tụng, kéo dài vụ án nên bà N đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải, đối chất mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

*Đối với bị đơn ông Phạm Thành L:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Thành L. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông Phạm Thành L theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi bị đơn cư trú và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Phạm Thành L không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

*Tại phiên tòa:*

- Bà N cung cấp tài liệu chứng cứ xác nhận bảng lương chứng minh thu nhập của bà N cho Tòa án. Bà N giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

+ Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp về nuôi con; tại biên bản xác minh của Công an xã An Điền ngày 19/01/2022, bị đơn ông Phạm Thành L có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà N và ông L đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã A. Như vậy, hôn nhân giữa bà N và ông L là hôn nhân hợp pháp.

#### **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Nguyên đơn bà N trình bày mâu thuẫn giữa bà và ông L đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông L.

Bị đơn ông L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/01/2022, trưởng ấp A xã A cung cấp: Bà N có hộ khẩu thường trú tại Ấp A, xã A, ông L có tạm trú tại Ấp A, xã A, hiện bà N và ông L vẫn cư trú tại địa chỉ trên. Về mâu thuẫn giữa bà N và ông L thì không nắm rõ do không có ai trình báo về mâu thuẫn vợ chồng cho địa phương. Hiện bà N đang ở cùng con tại địa chỉ trên.

Xét thấy, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông L vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án,

điều đó cho thấy ông L không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn với bà N. Ông L không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần cho bà N được ly hôn với ông L để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

**[3] Về con chung:**

Bà N và ông L có 01 con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 01/11/2019. Xét thấy, con chung dưới 36 tháng tuổi và hiện đang ở với bà N, bà N đi làm thu nhập 7.000.000 đồng/tháng. Ông L không đến tham gia phiên tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chứng tỏ ông L không quan tâm chăm sóc con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của nguyên đơn là phù hợp, giao con chung là Phạm Tuấn K cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo Đơn khởi kiện, bà N yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Sau đó bà N có đơn xin thay đổi ý kiến: Không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung:** Bà N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

**[6] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.**

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 227; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị N đối với bị đơn ông Phạm Thành L về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Đặng Thị N được ly hôn với ông Phạm Thành L.
- Về con chung:

Giao con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 01/11/2019 cho bà Đặng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Phạm Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Ông Phạm Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Sau khi ly hôn, khi cần thiết bà N hoặc ông L có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004543 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Thị Ngọc Bích**